

MỘT SỐ KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC NGOẠI NGỮ CỦA SINH VIÊN NHỮNG NĂM ĐẦU Ở TRƯỜNG ĐHNN - ĐHQG HÀ NỘI

Đặng Thị Lan

Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Phương hướng nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi sinh viên (SV) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia (ĐHNN - ĐHQG) Hà Nội phải khắc phục những khó khăn tâm lý (KKTL) trong hoạt động học (HĐH) nói chung và HĐH ngoại ngữ nói riêng. Việc nghiên cứu những KKTL trong HĐH ngoại ngữ là cơ sở khoa học để đưa ra các biện pháp khắc phục KKTL nhằm giúp SV Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội thích ứng nhanh với HĐH ngoại ngữ.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm khó khăn tâm lý trong hoạt động học ngoại ngữ của sinh viên Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong nghiên cứu này, *khó khăn tâm lý* được xem là toàn bộ những nét tâm lý của cá nhân (nảy sinh ở chủ thể trong quá trình hoạt động với hoàn cảnh xác định) ít phù hợp với những yêu cầu, đặc trưng của hoạt động đó, gây trở ngại cho tiến trình và kết quả của hoạt động. Khó khăn tâm lý biểu hiện ở ba mặt: nhận thức, thái độ và hành vi.

Khó khăn tâm lý trong hoạt động học ngoại ngữ của sinh viên trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội là toàn bộ những trở ngại tâm lý nảy sinh ở sinh viên, ít phù hợp với yêu cầu, đặc trưng của hoạt động học ngoại ngữ, gây trở ngại cho tiến trình và kết quả của hoạt động đó. Khó khăn tâm lý trong HĐH ngoại ngữ của SV những năm đầu ở Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội được biểu hiện ở ba mặt cụ thể sau:

+ *Về nhận thức*: Sinh viên nhận thức về mục đích, mục tiêu học ngoại ngữ có thể còn phiến diện, ít hiểu biết về văn hóa của đất nước mang thứ tiếng đó, chưa có thói quen tư duy trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, chưa có phương pháp học ngoại ngữ với tư cách một môn học chuyên ngành...

+ *Về thái độ học ngoại ngữ*: Sinh viên còn có biểu hiện thiếu tự tin, ngại giao tiếp bằng tiếng nước ngoài, thậm chí chưa có quyết tâm cao đối với HĐH ngoại ngữ.

+ *Về kỹ năng học ngoại ngữ*: Sinh viên phân phối, sắp xếp thời gian và chuẩn bị nghe giảng còn thiếu tính khoa học; sự phối hợp giữa quan sát, nghe và ghi chép trong giờ giảng còn lúng túng; hiệu quả sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài còn hạn chế; công việc ôn tập và hệ thống hóa kiến thức đã học chưa thành nề nếp và thiếu kế hoạch cụ thể...

2.2. Thực trạng khó khăn tâm lý trong hoạt động học ngoại ngữ của sinh viên những năm đầu ở Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội

Để làm rõ thực trạng KKTL trong HĐH ngoại ngữ của SV, chúng tôi tiến hành nghiên cứu 1010 SV năm thứ nhất (khóa 39) và SV năm thứ hai (khóa 38) năm học 2005 - 2006 của các khoa Ngôn ngữ và văn hóa Anh - Mỹ, khoa Ngôn ngữ và văn hóa Nga, khoa Ngôn ngữ và văn hóa Pháp, Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc và thu được một số kết quả như sau:

2.2.1. Kết quả nghiên cứu xét chung trên tổng mẫu điều tra

Bảng 1: Khó khăn tâm lý trong HĐH ngoại ngữ của SV xét chung trên tổng mẫu điều tra (1010 SV)

Các mặt khó khăn	Số SV	Điểm TB chung ($1 < \bar{X} < 4$)	Độ lệch chuẩn
Nhận thức	1010	2,88	0,680
Thái độ	1010	2,81	0,600
Kỹ năng	1010	2,89	0,564
Chung	1010	2,86	0,614

Kết quả bảng 1 cho thấy: Sinh viên những năm đầu ở Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội gặp nhiều KKTL trong HĐH ngoại ngữ, điểm trung bình (TB) chung về KKTL là 2,86 điểm. Xét riêng từng mặt KKTL thì kỹ năng học ngoại ngữ là KKTL lớn nhất có điểm TB là 2,89 điểm, nhận thức - vốn hiểu biết về ngoại ngữ có điểm TB là 2,88 điểm, thái độ học ngoại ngữ có điểm TB là 2,81 điểm. Sinh viên những năm đầu vào học ở một trường đại học chuyên đào tạo ngoại ngữ, các môn học ngoại ngữ trở thành môn học chuyên ngành của họ. Tuy SV đã có một số kinh nghiệm ban đầu về việc học một ngoại ngữ nào đó ở trường phổ thông, nhưng khi đó trong quan niệm của mình, môn ngoại ngữ đối

với các em chỉ là một “môn phụ”, so với các môn học văn hóa cơ bản khác. Khi vào học Trường ĐHNN, họ phải thay đổi cả trong nhận thức, thái độ và kỹ năng học ngoại ngữ với tư cách một chuyên ngành. Sinh viên gặp không ít KKTL trong việc làm quen với sự thay đổi về nội dung học tập, phương pháp dạy và học, các kỹ năng học ngoại ngữ; trong việc sử dụng hệ thống giáo trình và tài liệu bằng tiếng nước ngoài, hệ thống các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong việc học tiếng nước ngoài.

2.2.2. Kết quả nghiên cứu xét theo các nhóm khách thể

* Xét theo khóa đào tạo

Bảng 2: Khó khăn tâm lý trong HĐH ngoại ngữ của SV xét theo khóa đào tạo

Các mặt khó khăn	Khóa	Số SV	Điểm TB chung ($1 < \bar{X} < 4$)	Độ lệch chuẩn	Hệ số khác biệt
Nhận thức	38	479	2,85	0,714	0,009
	39	531	2,91	0,647	
	Chung	1010	2,88	0,680	
Thái độ	38	479	2,84	0,641	0,001
	39	531	2,78	0,559	
	Chung	1010	2,81	0,600	
Kỹ năng	38	479	2,91	0,602	0,005
	39	531	2,88	0,526	
	Chung	1010	2,89	0,564	
Chung	38	479	2,86	0,652	0,005
	39	531	2,85	0,577	
	Chung	1010	2,86	0,614	

Kết quả ở bảng 2 cho thấy: Điểm trung bình KKTL trong HĐH ngoại ngữ của SV khóa 38 và SV khóa 39 không có sự chênh lệch nhiều, điểm trung bình KKTL của SV khóa 38 là 2,86 điểm và điểm trung bình KKTL của SV khóa 39 là 2,85 điểm. Xét về khó khăn trong nhận thức, SV khóa 39 có điểm TB khó khăn là 2,91 điểm; SV khóa 38 có điểm TB khó khăn là 2,85 điểm. Điều này nói lên SV khóa 39 (năm thứ nhất) chưa có những hiểu biết cơ bản và đầy đủ về các mặt có liên quan đến HĐH ngoại ngữ. Về thái độ học ngoại ngữ và kỹ năng học ngoại ngữ thì giữa SV khóa 38 và SV khóa 39 không có sự khác biệt lớn, nghĩa là SV gặp khó khăn tương tự nhau về thái độ học ngoại ngữ và kỹ năng học ngoại ngữ. Trên thực tế, những năm đầu mới vào học ở Trường ĐHNN, SV chủ yếu được học những môn học chung (triết học, kinh tế chính trị, lịch sử Đảng, cơ sở văn hóa Việt Nam, tâm lý học và giáo dục học...) và các môn học chuyên ngành SV mới được học một số môn ở phần đại cương, do vậy họ chưa thực sự chuyển biến

sâu sắc về thái độ yêu thích bộ môn, chưa có được những kỹ năng đặc thù về học chuyên ngành ngoại ngữ.

*** Xét theo các khoa**

Bảng 3: Khó khăn tâm lý trong HĐH ngoại ngữ của SV xét theo các khoa

Các mặt khó khăn	Khoa	Số SV	Điểm TB chung ($1 < \bar{X} < 4$)	Độ lệch chuẩn	Hệ số khác biệt
Nhận thức	Anh	326	2,87	0,683	0,357
	Pháp	293	2,84	0,692	
	Nga	155	2,96	0,629	
	Trung	236	2,88	0,693	
	Chung	1010	2,88	0,680	
Thái độ	Anh	326	2,79	0,636	0,291
	Pháp	293	2,86	0,599	
	Nga	155	2,79	0,506	
	Trung	236	2,77	0,605	
	Chung	1010	2,81	0,600	
Kỹ năng	Anh	326	2,83	0,555	0,007
	Pháp	293	2,84	0,597	
	Nga	155	2,91	0,594	
	Trung	236	2,99	0,464	
	Chung	1010	2,89	0,564	
Chung	Anh	326	2,83	0,624	0,218
	Pháp	293	2,84	0,629	
	Nga	155	2,88	0,576	
	Trung	236	2,88	0,587	
	Chung	1010	2,86	0,614	

Trong những năm đầu mới vào học ở trường ĐHNN, SV cả bốn khoa Anh, Pháp, Nga và Trung đều gặp những KCTL trong HĐH ngoại ngữ thể hiện trên cả ba mặt khó khăn: nhận thức, thái độ và kỹ năng học ngoại ngữ. Điểm số TB về những KCTL ở từng mặt của SV bốn khoa là xấp xỉ nhau, sự khác biệt về điểm TB của các mặt khó khăn là không nhiều.

Tuy nhiên, SV ba khoa Pháp, Nga và Trung có nhiều khó khăn hơn về mặt tâm lý đối với HĐH các ngoại ngữ này so với SV khoa Anh. Điều đó có thể do trong những năm gần đây, ở các trường trung học phổ thông, học sinh được học tiếng Anh nhiều hơn so với tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung. Và lại, trên thực tế xã hội đang quan tâm nhiều tới việc học và sử dụng tiếng Anh trong

học tập nghiên cứu, trong giao dịch, kinh doanh... Học sinh ngay từ khi còn học phổ thông đã chú ý nhiều tới việc học môn tiếng Anh, do đó đã có những nhận thức, thái độ mới và một số kỹ năng học tiếng Anh. Vì thế, khi vào học Trường ĐHNN sinh viên có thuận lợi hơn về mặt tâm lý.

*** Xét theo học lực**

Bảng 4: Khó khăn tâm lý trong HĐH ngoại ngữ của SV xét theo học lực

Các mặt khó khăn	Học lực	Số SV	Điểm TB chung ($1 < \bar{X} < 4$)	Độ lệch chuẩn	Hệ số khác biệt
Nhận thức	TB	538	2,95	0,670	0,000
	Khá	416	2,81	0,650	
	Giỏi	56	2,67	0,878	
	Chung	1010	2,88	0,680	
Thái độ	TB	538	2,85	0,593	0,012
	Khá	416	2,77	0,581	
	Giỏi	56	2,65	0,751	
	Chung	1010	2,81	0,600	
Kỹ năng	TB	538	2,93	0,563	0,031
	Khá	416	2,87	0,539	
	Giỏi	56	2,75	0,707	
	Chung	1010	2,89	0,564	
Chung	TB	538	2,91	0,608	0,045
	Khá	416	2,81	0,590	
	Giỏi	56	2,69	0,778	
	Chung	1010	2,86	0,614	

Kết quả ở bảng 4 cho ta thấy: Có sự khác biệt đáng kể về KKTL trong HĐH ngoại ngữ của SV ở các học lực khác nhau. Sinh viên có học lực giỏi và học lực khá gặp KKTL ít hơn so với SV có học lực trung bình trở xuống, điểm TB khó khăn của SV có học lực trung bình là 2,91 điểm, học lực khá là 2,81 điểm và học lực giỏi là 2,69 điểm. Nếu xét riêng các mặt biểu hiện KKTL thì SV có học lực TB, học lực khá và học lực giỏi đều gặp khó khăn về nhận thức và kỹ năng học ngoại ngữ hơn là khó khăn về thái độ học ngoại ngữ. Có thể nói, SV những năm đầu ở Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội đều có thái độ tích cực trong học tập, họ siêng năng, chăm chỉ và cố gắng học tập, nhưng không phải ai cũng đạt kết quả học tập tốt. Điều này tùy thuộc vào học lực, vào nhận thức và kỹ năng học ngoại ngữ của mỗi người.

3. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu thực tiễn về KKTL trong HĐH ngoại ngữ của SV những năm đầu ở Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội, chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây:

+ Nhìn chung SV những năm đầu ở Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội đều gặp KKTL trong HĐH ngoại ngữ. Trong các mặt biểu hiện KKTL, SV gặp khó khăn về nhận thức và kỹ năng học ngoại ngữ hơn là khó khăn về thái độ học ngoại ngữ.

+ Không có sự khác biệt lớn về KKTL trong HĐH ngoại ngữ của SV khóa 38 và SV khóa 39.

+ Có sự khác biệt về KKTL trong HĐH ngoại ngữ của SV các khoa, nhưng sự khác biệt này là không nhiều. Sinh viên khoa Nga, SV khoa Pháp và SV khoa Trung gặp KKTL nhiều hơn so với SV khoa Anh.

+ Sinh viên có học lực khác nhau gặp KKTL trong HĐH ngoại ngữ không như nhau. Sinh viên có học lực giỏi và học lực khá gặp KKTL ít hơn so với SV có học lực trung bình trở xuống.

4. Ý kiến đề xuất

+ Nhà trường, các khoa và cán bộ giảng viên cần đặc biệt chú ý đến các KKTL trong HĐH ngoại ngữ của SV ngay từ những ngày đầu tiên vào học ở Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội. Nhà trường và các bộ phận có liên quan cần giúp SV làm quen với môi trường học tập mới, với cách dạy và đặc biệt là cách học ngoại ngữ ở trường đại học chuyên đào tạo chuyên gia ngoại ngữ. Việc làm này có thể thực hiện bằng cách: Phòng đào tạo phối hợp với các khoa, Đoàn Thanh niên, Hội SV để tổ chức cho SV học chuyên đề về “*Phương pháp học tập ở đại học*” để ngay từ đầu SV nắm được phương pháp học tập mới.

+ Nhà trường, các khoa và cán bộ giảng viên cần có những biện pháp giúp đỡ nhiều hơn những SV có học lực trung bình trở xuống cũng như SV khoa Nga và SV khoa Trung để các em giảm bớt những KKTL trong HĐH ngoại ngữ ở trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội.

+ Nhà trường, các khoa và cán bộ giảng viên cần có sự thống nhất về “*Đổi mới phương pháp giảng dạy*” theo hướng SV tự nghiên cứu là chính. Có như vậy mới rèn được cho SV các kỹ năng học tập ở đại học, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Ngọc Đĩnh (chủ biên). *Từ điển Pháp - Việt*. NXB Thế giới, 1995.
2. Trần Hữu Luyến. *Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ*. Hà Nội, 2001.
3. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên). *Tâm lý học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1996.
4. Viện ngôn ngữ học. *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng, 2005.
5. Nguyễn Như Ý. *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*. NXB Giáo dục. Hà Nội, 1998.